TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/DS-ST
Ngày: 11-9-2025
V/v "Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Bút
2. Bà Phan Thị Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 126/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 42/QĐST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ 4, TDP H , phường L, TP Đà Nẵng. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1994; địa chỉ: TDP H , phường L, TP Đà Nẵng. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị S, sinh năm 1970; địa chỉ: TDP H , phường L, TP Đà Nẵng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị P trình bày:*

Bà P là người làm ăn kinh doanh tại địa phương, năm 2020 bà P có tổ chức chơi biêu hụi cho những anh em quen biết trong thôn xóm. Tổng thời hạn chơi biêu hụi dựa trên số lượng thành viên tham gia, mỗi tháng sẽ có 1 thành viên đấu giá tiền trúng thì được rút tổng số tiền biêu hụi, thành viên nào rút xong thì phải đóng đủ lại số tiền biêu hụi cho thành viên còn lại rút đến khi tất cả các thành viên đều được rút tiền biêu hụi, quy định của cuộc chơi các thành viên tham gia đều biết và thống nhất đồng ý tham gia chơi, mặc dù quy định không được thỏa thuận bằng

văn bản, nhưng khi tham gia chơi biêu hụi các thành viên tham gia mặc định đã biết được quy định của chơi biêu hụi. Bà Phan Thị S và ông Nguyễn Văn L là hai mẹ con ruột tham gia chơi biêu hụi do bà P làm chủ biêu hụi đó. Bà Phan Thị S tham gia vào hai dây biêu có tổng 13 thành viên, dây thứ nhất là 3.000.000đ/1 người và dây thứ hai là 2.000.000đ/1 người thời gian bắt đầu của hai dây tính từ ngày 5/02/2020 đến ngày 05/3/2021 kết thúc. Ban đầu tham gia chơi bà S thực hiện đúng quy định, sau khi bà S rút tiền biêu hụi xong thì không đóng tiền vào để cho các thành viên khác rút tiền, bà S đã rút hai lần tiền biêu hụi của cả 2 dây, lần thứ nhất bà S rút dây biêu 1.000.000đ/1 người vào ngày 5/3/2020 với số tiền biêu rút được là 39.000.000 đồng, lần thứ hai bà S rút tiền ở dây biêu 2.000.000₫/1 người vào ngày 5 tháng 4 năm 2020 với số tiền biêu rút được là 26.000.000 đồng. Sau khi rút tiền biêu hụi, bà S phải thực hiện đóng tiền biêu hụi cho đến hết ngày 05/3/2021 nhưng bà S chỉ đóng đến ngày 05/9/2020 thì bà S không đống tiền biêu, bà P đã nhiều lần yêu cầu bà S đóng tiền biêu nhưng bà S hứa hẹn, bà P tin tưởng bà S là hàng xóm nên đã đóng tiền biêu thay cho bà S là 5 tháng còn lại tương đương với số tiền 25.000.000 đồng, mục đích của bà P đóng tiền biêu giúp bà S cho đúng thời hạn và từ từ bà S sẽ trả tiền lại cho bà P là 25.000.000 đồng. Đến tháng 7/2020 bà P tiếp tục mở ra một dây biêu, số tiền góp là 2.000.000₫/1 người, thời hạn chơi biêu hụi bắt đầu từ ngày 10 tháng 7 năm 2020 đến ngày 10 tháng 6 năm 2021 thì kết thúc dây biêu do bà P là chủ biêu hụi có 12 người tham gia trong đó có ông Nguyễn Văn L là con ruột của bà S được bà S giới thiệu tham gia chơi biêu để có tiền trả tiền cho bà S còn nợ bà P của hai dây biêu trước. Ngày 10 tháng 8 năm 2020, ông Nguyễn Văn L rút tiền biêu hụi với tổng số tiền ông L rút được là 24.000.000 đồng. Sau khi rút tiền biêu hụi ông L không đóng tiền biêu lại cho chủ cái kể ngày 10/10/2020. Bà P đã nhiều lần liên hệ nhưng ông L cũng hứa hẹn có lương sẽ đóng tiền lại. Vì tin tưởng ông L có công ăn việc làm ổn định và là hàng xóm nên bà P đã đóng cho ông L tổng là 9 tháng với tổng số tiền là 18.000.000 đồng từ ngày 10/10/2020 đến ngày 10/6/2021, để các thành viên khác yên tâm tham gia và tiếp tục được rút tiền.

Bà P liên tục đòi ông L và bà S trả tiền nợ biêu nhưng ông L và bà S hứa hẹn hết lần này đến lần khác và né tránh. Đến tháng 7 năm 2024 ông Nguyễn Văn L có viết giấy góp nợ, thể hiện nội dung ông Nguyễn Văn L xác nhận nợ bà P số tiền 43.000.000 đồng (bao gồm tiền ông L nợ là 18.000.000 đồng và tiền của mẹ ruột ông L là bà S nợ 25.000.000 đồng) ông L sẽ trả góp 1.500.000 đồng/1 tháng bắt đầu từ cuối tháng 7 dương lịch tức là ngày 31/7/2024 cho đến khi hết nợ. Đến cuối tháng 8/2024, ông L có trả góp số tiền 1.000.000 đồng kể từ đó cho đến nay ông L không trả góp như cam kết.

Tại phiên toà, bà P yêu cầu ông L phải trả số tiền nợ 42.000.000 đồng. Bà P xác nhận đã nhiều lần yêu cầu ông L trả nợ nhưng không lập văn bản, không có chứng cứ thể hiện việc đòi nợ ông L nên chỉ yêu cầu tính lãi kể từ ngày nộp đơn

khởi kiện tại Tòa án là ngày 28/10/2024 đến ngày xét xử 11/9/2025 theo lãi suất 10%/năm là 3.670.684 đồng.

** Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn L:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo và niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn ông Nguyễn Văn L để tham gia giải quyết vụ án nhưng ông L vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị S đã được thông báo và niêm yết các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án nhưng bà S vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Toà án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P, buộc ông Nguyễn Văn L phải trả cho bà P số tiền 45.670.684 đồng, trong đó nợ gốc là 42.000.000 đồng, nợ lãi là 3.670.684 đồng.

Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho bà P số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn L có địa chỉ tại TDP H , phường L, TP Đà Nẵng trả tiền do vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo giấy góp nợ. Do đó HĐXX xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền". Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, tranh chấp phát sinh giữa bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị S đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng

vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án:

Trong quá trình chơi hụi (biêu) do bà Nguyễn Thị P làm chủ hụi, bà Phan Thị S và ông Nguyễn Văn L sau khi rút trước các chân hụi đã không đóng tiếp số tiền (biêu chết) hàng tháng còn lại của các chân hụi. Để đảm bảo cho các thành viên khác yên tâm tham gia dây hụi và tiếp tục được rút tiền, bà P đã đóng các chân hụi chết cho bà S và ông L với tổng số tiền là 43.000.000 đồng. Tháng 7 năm 2024, ông Nguyễn Văn L viết Giấy góp nợ xác nhận nợ bà Nguyễn Thị P số tiền 43.000.000 đồng và hẹn sẽ trả góp 1.500.000 đồng/tháng, bắt đầu từ cuối tháng 7 dương lịch. Đến cuối tháng 8/2024, ông L trả góp cho bà P số tiền 1.000.000 đồng, còn nợ lại 42.000.000 đồng. Mặc dù bà P đã nhiều lần yêu cầu ông L trả nợ nhưng ông L không trả, như vậy ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện đúng nội dung theo Giấy góp nợ nên bà P khởi kiện yêu cầu buộc ông L phải trả số tiền nợ gốc 42.000.000 đồng là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi: Bà P đề nghị HĐXX giải quyết buộc ông Nguyễn Văn L phải trả số tiền lãi phát sinh tính từ ngày bà P nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là ngày 28/10/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 11/9/2025 theo lãi suất 10%/năm là 3.670.684 đồng là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

Từ những nhận định trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P, buộc ông Nguyễn Văn L phải có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền nợ gốc và lãi là 45.670.684 đồng (trong đó nợ gốc 42.000.000 đồng, nợ lãi 3.670.684 đồng) như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 45.670.684 đồng đồng x 5% = 2.283.534 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Căn cứ Điều 116, 351, 353, 357, 468 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ khảon 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật lãi, lãi suất và phạt vi phạm.

- Căn cứ khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P về việc "Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền" đối với ông Nguyễn Văn L.

Buộc ông Nguyễn Văn L phải có nghĩa vụ trả cho Nguyễn Thị P số tiền nợ gốc và lãi là 45.670.684đ (Bốn mươi lăm triệu S trăm bảy mươi nghìn S trăm tám mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng), nợ lãi 3.670.684đ (Ba triệu S trăm bảy mươi nghìn S trăm tám mươi bốn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, nguyên đơn có đơn yêu cầu đối với số tiền bị đơn phải thanh toán, nếu bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn L chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.283.534đ *(Hai triệu hai trăm tám mươi ba nghìn năm trăm ba mươi bốn đồng).*

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền tạm ứng án phí 1.415.000 đồng *(Một triệu bốn trăm mười lăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0008585 ngày 23/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 – Đà Nẵng).

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND KV4-Đà Nẵng;*
- *Phòng THADS KV 4 – Đà Nẵng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Loan